

Bản án số: 36/2021/HNGĐ - ST  
Ngày 21 - 10 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Niệm;

Ông Võ Thành Hoang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1987; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ x, ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, khu phố 8, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1986; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ x, ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 24/5/2016. Việc chung sống với nhau và kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Bắt đầu từ năm 2020, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hợp nhau, không cùng quan điểm nên bà đã về nhà cha mẹ ruột bà ở. Hiện nay vợ chồng bà không còn sống chung với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013. Hiện con đang ở cùng với Bà T. Khi ly hôn, Bà T yêu cầu được nuôi con chung. Tại đơn khởi kiện, Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, tại bản tự khai cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Về hôn nhân: Ông C và Bà T chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào năm 2016. Việc chung sống với nhau là do ông bà hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông sinh sống tại ấp A, xã B, cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến năm 2020 thì vợ chồng ông có xảy ra cãi nhau, Bà T dọn về nhà cha mẹ ruột Bà T ở. Ông C nhiều lần gặp Bà T để hòa giải mâu thuẫn, mong muốn vợ chồng về chung sống với nhau nhưng Bà T không đồng ý. Nay Bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C và Bà T có 01 con chung tên Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013. Hiện con chung đang sống cùng Bà T. Ông C đồng ý giao con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con thì ông tự thỏa thuận với Bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phân thủ tục, phân tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà Lê Thị Ngọc T và ông Nguyễn Xuân C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 24/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên Bà T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông C. Bị đơn ông C có lời khai đồng ý ly hôn với Bà T. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của Bà T và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Bà T được ly hôn với ông C. Về con chung Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013 hiện đang sống cùng với nguyên đơn và cháu Thư có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông C đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của Bà T nên đề nghị HĐXX giao con chung Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013 cho Bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân C, yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông C hiện cư trú tại ấp A, xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà T và bị đơn ông C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và bị đơn ông Nguyễn Xuân C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2016 (bản sao) thì ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2016, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà T và ông C đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được và đang sống ly thân. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân C.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T và bị đơn ông Nguyễn Xuân C có 01 con chung là Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013 theo Trích lục khai sinh (bản sao), đăng ký khai sinh ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Vĩnh. Tại giấy khai sinh không thể hiện họ tên cha là ông Nguyễn Xuân C vì thời điểm đăng ký khai sinh cháu Thư, Bà T và ông C chưa có đăng ký kết hôn nhưng nguyên đơn Bà T và bị đơn ông C đều thừa nhận cháu Thư là con chung. Đồng thời, tại Sổ hộ khẩu (bản sao), chủ hộ ông Nguyễn Xuân C có thể hiện cháu Lê Ngọc Anh T1 là con của ông C. Do đó, có đủ chứng cứ xác định cháu Lê Ngọc Anh T1 là con của Bà T và ông C. Hiện con chung đang sống cùng với nguyên đơn và cháu Thư cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Nguyên đơn Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bị đơn ông C đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của Bà T. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 sau khi xem xét nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên, ý kiến của các đương sự, HĐXX giao con chung Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của Bà T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân C.

3. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Anh T1, sinh ngày 02/6/2013 cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Ngọc T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043558 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã B, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Số 63/2016);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Chang**